

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng

Báo cáo tài chính bán niên cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2025



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng

MỤC LỤC

TRANG

Bảng cân đối kế toán	1 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7



Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán bán niên tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100	287.354.666.508	369.954.392.600
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.238.455.788	9.669.540.752
Tiền	111	4.179.455.788	3.279.540.752
Các khoản tương đương tiền	112	59.000.000	6.390.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	246.736.427.245	329.141.831.641
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	76.131.408.488	66.192.320.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122	(9.162.632.829)	(9.162.632.829)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	179.767.651.586	272.112.144.470
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	17.375.096.594	14.697.081.106
Phải thu của khách hàng	131	8.810.090.796	3.806.631.358
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>	<i>8.810.090.796</i>	<i>3.806.631.358</i>
Trả trước cho người bán	132	868.675.052	590.979.825
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	9.296.641.466	11.899.780.643
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(1.600.310.720)	(1.600.310.720)
Hàng tồn kho	140	387.702.272	393.180.912
Hàng tồn kho	141	387.702.272	393.180.912
Tài sản ngắn hạn khác	150	3.382.462.162	3.140.460.652
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	561.517.516	343.381.332
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	<i>151.1</i>	<i>561.517.516</i>	<i>343.381.332</i>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	825.616.296	1.869.799.690
Thuế phải thu Nhà nước	153	1.568.496.350	578.997.630
Tài sản ngắn hạn khác	158	426.832.000	348.282.000
Tài sản tái bảo hiểm	190	15.234.522.447	12.912.297.537
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	11.001.529.744	8.581.593.635
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	4.232.992.703	4.330.703.902

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán bán niên tại ngày 30 tháng 06
năm 2025 (tiếp theo)

	Mã số	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	113.236.391.497	20.676.995.606
Các khoản phải thu dài hạn	210	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	218	6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1	6.000.000.000	6.000.000.000
Tài sản cố định	220	4.725.342.202	3.209.469.960
Tài sản cố định hữu hình	221	2.558.863.112	2.702.365.870
<i>Nguyên giá</i>	222	7.707.625.056	7.633.625.056
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(5.148.761.944)	(4.931.259.186)
Tài sản cố định vô hình	227	498.104.090	507.104.090
<i>Nguyên giá</i>	228	5.398.949.100	5.398.949.100
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(4.900.845.010)	(4.891.845.010)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	1.668.375.000	-
Bất động sản đầu tư	240	5.084.948.933	5.299.207.415
<i>Nguyên giá</i>	241	11.369.864.400	11.369.864.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	(6.284.915.467)	(6.070.656.985)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	92.552.778.817	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258	92.552.778.817	-
Tài sản dài hạn khác	260	4.873.321.545	6.168.318.231
Chi phí trả trước dài hạn	261	3.656.589.832	4.951.586.518
Tài sản dài hạn khác	268	1.216.731.713	1.216.731.713
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	400.591.058.005	390.631.388.206

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán bán niên tại ngày 30 tháng 06
năm 2025 (tiếp theo)

	Mã số	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	58.256.927.593	40.873.839.098
Nợ ngắn hạn	310	58.250.488.053	40.867.399.558
Phải trả người bán	312	19.150.288.159	5.918.910.622
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>	<i>19.150.288.159</i>	<i>5.918.910.622</i>
Thuế phải nộp Nhà nước	314	130.432.731	97.246.858
Phải trả người lao động	315	1.040.590.220	1.793.656.783
Chi phí phải trả	316	1.774.388.742	805.093.312
Doanh thu chưa thực hiện	318	335.904.981	443.796.585
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	3.888.754.527	3.764.154.333
<i>Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</i>	<i>319.1</i>	<i>2.893.518.696</i>	<i>2.224.767.440</i>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>319.2</i>	<i>995.235.831</i>	<i>1.539.386.893</i>
Dự phòng nghiệp vụ	329	31.930.128.693	28.044.541.065
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>19.277.888.255</i>	<i>15.867.573.644</i>
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.2</i>	<i>8.189.498.250</i>	<i>7.809.957.758</i>
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>329.3</i>	<i>4.462.742.188</i>	<i>4.367.009.663</i>
Nợ dài hạn	330	6.439.540	6.439.540
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	6.439.540	6.439.540
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	342.334.130.412	349.757.549.108
Vốn chủ sở hữu	410	342.334.130.412	349.757.549.108
Vốn cổ phần	411	448.840.000.000	448.840.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419	3.310.173.082	3.310.173.082
Lỗi lũy kế	421	(109.816.042.670)	(102.392.623.974)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	400.591.058.005	390.631.388.206

Ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập:



Huỳnh Tuấn Đông
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Nguyễn Ánh Kim Loan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Liêw Sep Siang
Quyền Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	6 Tháng 2025 VND	2024 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	1	23.600.221.256	42.687.454.940
Trong đó:			
- Phí bảo hiểm gốc	1.1	27.007.278.527	44.603.664.540
- Phí nhận tái bảo hiểm	1.2	3.257.340	22.429.094
- Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.3	3.410.314.611	1.938.638.694
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	2	15.017.347.268	26.393.182.228
Trong đó:			
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	2.1	17.437.283.377	27.427.241.858
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	2.2	2.419.936.109	1.034.059.630
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	3	8.582.873.988	16.294.272.712
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1)	4	4.047.915.991	6.915.783.616
Trong đó:			
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.1	4.047.915.991	6.915.783.616
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10	12.630.789.979	23.210.056.328
Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11	(10.063.600.398)	5.248.023.555
Trong đó:			
- Tổng chi bồi thường	11.1	2.878.399.602	5.249.409.851
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)	11.2	12.942.000.000	1.386.296
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	(9.669.985.301)	2.705.527.651
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	379.540.492	820.315.041
Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	(97.711.199)	537.738.765
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	83.636.594	2.825.072.180

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	6 Tháng 2025 VND	2024 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	95.732.525	171.988.518
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	1.213.318.852	603.072.566
Trong đó:			
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	528.789.003	374.729.030
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	684.529.849	228.343.536
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18	1.392.687.971	3.600.133.264
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19	11.238.102.008	19.609.923.064
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	20	-	147.818.183
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	21	-	428.516.964
Lỗ từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư (22 = 20 - 21)	22	-	(280.698.781)
Doanh thu hoạt động tài chính	23	8.200.252.013	19.018.447.691
Chi phí hoạt động tài chính	24	22.209.269	8.604.235.682
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25	8.178.042.744	10.414.212.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.042.800.266	48.742.474.484
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 - 26)	30	(7.626.655.514)	(18.999.038.192)


Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bán niên
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

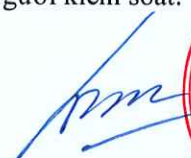
	Mã số	6 Tháng 2025 VND	2024 VND
Thu nhập khác	31	212.542.827	13.688.241
Chi phí khác	32	9.306.009	140.278.118
Lỗ từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	203.236.818	(126.589.877)
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(7.423.418.696)	(19.125.628.069)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	(7.423.418.696)	(19.125.628.069)
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(165)	(426)

Ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập:


 Huỳnh Tuấn Đông
 Kế toán viên

Người kiểm soát:


 Nguyễn Ánh Kim Loan
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Liew Sep Siang
 Quyền Tổng Giám đốc

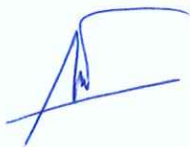


Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bán niên cho năm kết
thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	6 Tháng 2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu			
Tiền thu từ phí bảo hiểm và hoa hồng	1	25.721.355.038	47.975.872.875
Tiền thu từ các khoản thu bồi hoàn	3	11.218.780.027	1.058.850.191
Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	2.456.586.414	4.680.985.738
Tiền chi			
Tiền chi bồi thường bảo hiểm	5	(2.983.011.033)	(5.584.639.005)
Tiền chi hoa hồng và các khoản nợ khác của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6	(11.429.030.556)	(22.533.387.843)
Tiền chi trả người bán và người cung cấp dịch vụ	7	(10.527.979.611)	(19.703.073.158)
Tiền chi trả người lao động	8	(11.645.529.604)	(19.283.527.577)
Tiền chi nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	9	(2.265.812.357)	(4.036.975.648)
Tiền chi trả các khoản nợ khác	10	(2.916.519.846)	(5.090.165.650)
Tiền chi tạm ứng cho người lao động và người bán	11	(1.458.319.310)	(2.668.673.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.829.480.838)	(25.184.733.975)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(81.400.000)	(36.354.545)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(170.112.841.466)	(314.052.144.470)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	159.965.467.045	320.101.310.268
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	8.627.170.295	22.844.684.673
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.601.604.126)	28.857.495.926
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(5.431.084.964)	3.672.761.951
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	9.669.540.752	5.996.778.801
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4.238.455.788	9.669.540.752

Ngày 08 tháng 08 năm 2025

Người lập:



Huỳnh Tuấn Đông
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Nguyễn Ánh Kim Loan
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Kieu Sep Siang
Quyền Tổng Giám đốc